

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày 28/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư

Ông Đặng Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 07/6/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 23/6/1997, tại Tiền Giang. Trú tại: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trúc P, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm: 1981; Bị cáo chưa có vợ con, Anh, chị, em ruột có hai người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 15/3/2019 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: **Bùi Minh L**, sinh ngày 15/6/2000 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh T.

2. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 11/4/2017, Bùi Minh L, sinh ngày 15/6/2000, nơi cư trú: Ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh T, điều khiển xe mô

tô biển số 63B1-215.04 hiệu Yamaha loại Nouvo màu xanh trắng, chủ Lê Phương H, sinh ngày 05/12/2002, nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh T và Nguyễn Văn T, sinh ngày 23/6/1997, nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh T đến quán cà phê Gạch đỏ thuộc ấp A, xã P, huyện C, tỉnh T để uống nước. Tại đây, khi đang ngồi uống nước thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 63B1-215.04 của L đem bán lấy tiền tiêu xài, nên T giả vờ hỏi L mượn xe đi công việc thì được L đồng ý. T điều khiển xe đến huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An để gặp Nguyễn Thanh H (tên thường gọi là H), sinh năm 1984, nơi cư trú: ấp H, xã B, huyện M, tỉnh L và Nguyễn Văn T (tên thường gọi là T), sinh năm 1989, nơi cư trú: Ấp H, xã L, huyện T, tỉnh L để nhờ đem xe đi cầm. Nguyễn Văn T đồng ý và điều khiển xe chở T đến cửa khẩu Bình Hiệp, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An, gặp một người đàn ông không rõ họ tên địa chỉ tại quán cà phê nhờ người đàn ông này đem xe đi cầm được số tiền 5.000.000 đồng đem về đưa cho T, T cho người đàn ông này 250.000 đồng, chia cho T số tiền 1.700.000 đồng. Sau khi cầm được xe, T đi xe taxi về đến khách sạn Sao Mai thuộc xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thì gặp người tên V. V hỏi T vì sao chiếm đoạt xe của L, T trả lời lỡ cầm rồi, V kêu T đưa 1.000.000 đồng cho V, V sẽ đi nói chuyện với L để L không truy cứu việc T mượn xe của L, nghe vậy T đưa cho V 1.000.000 đồng, số tiền còn lại T đã tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028923 mang tên Bùi Văn Đ nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo màu xanh trắng biển số 63B1-215.04.

Biên bản định giá và kết luận giá tài sản số: 30/HĐĐGTS ngày 26/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cai Lậy kết luận xe mô tô loại NOUVO màu xanh trắng, biển số 63B1-215.04, số máy 1DB1153493, số khung DB10DY153485 trị giá là 30.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy, Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSCL ngày 27/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã đưa ra những chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028923 mang tên Bùi Văn Đ nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo màu xanh trắng biển số 63B1-215.04. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn T đồng ý bồi thường trị giá xe mô tô biển số 63B1-215.04 hiệu Yamaha loại Nouvo màu xanh, trắng cho anh Bùi Minh L số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai nhận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 11/4/2017, tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh T, Nguyễn Văn T có hành vi dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 63B1-215.04 của anh Bùi Minh L trị giá là 30.000.000 đồng.

Lời khai nhận trên của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và người liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là hoàn T có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Trong phần xét hỏi và tranh luận, các ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đã làm rõ hơn động cơ, mục đích và hoàn cảnh phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, là một trong những khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự địa phương, gây Hng mang trong nhân dân. Bị cáo vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Hậu quả đến nay bị cáo chưa bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, cho nên cần phải xử phạt bị cáo nghiêm minh theo pháp luật, để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Đối với Nguyễn Văn T có hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nhưng trong quá trình điều tra đến nay T không có mặt tại địa phương nên chưa xác định được hành vi phạm tội của T, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi có căn cứ xử lý sau.

Đối với người tên V có hành vi yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T đưa số tiền 1.000.000 đồng cho V để giải quyết việc T đem xe đi cầm, nhưng hiện V không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi có căn cứ xử lý sau.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028923 mang tên Bùi Văn Đ bị hại không yêu cầu nhận lại. Xét thấy, xe mô tô biển số 63B1-215.04 không thu hồi được, giấy đăng ký xe không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Bùi Minh L yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường số tiền là 30.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường. Xét thấy, phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, định khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm h, p khoản 1 Điều 46 , Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/3/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn T đồng ý bồi thường trị giá xe mô tô biển số 63B1-215.04 hiệu Yamaha loại Nouvo màu xanh, trắng cho anh Bùi Minh L số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày anh Bùi Minh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Văn T chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028923 mang tên Bùi Văn Đ nhãn hiệu Yamaha loại Nouvo màu xanh trắng biển số 63B1-215.04.

5. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm) ngàn đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 (Một triệu, năm trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn An